



Tây nguyên gồm 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông và Lâm Đồng. Diện tích tự nhiên là 5.460.754 ha, đất nông nghiệp 1.593.742 ha, chiếm 29,2%; đất lâm nghiệp 3.073.684 ha, chiếm 56,3% tổng diện tích. Đây là khu vực bao gồm nhiều cao nguyên xếp tầng, địa hình phức tạp và đa dạng; trong đó có 1,8 triệu ha đất đỏ bazan (chiếm 33,08%), rất thuận lợi cho việc phát triển cây công nghiệp; có 91.000 ha đất phù sa, 52.000 ha đồng cỏ tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi đại gia súc. Tây nguyên có thế mạnh đặc biệt về phát triển ngành công nghiệp thủy điện và khai thác, chế biến quặng bô-xít.

Vốn cho phát triển kinh tế vùng Tây Nguyên –

# Thành công, hạn chế giải pháp khắc phục

ThS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Ba mươi hai năm sau ngày giải phóng, cộng đồng các dân tộc Tây nguyên tăng rất nhanh, chủ yếu từ nơi khác tới. Đến năm 2007 toàn vùng có 47 dân tộc với dân số xấp xỉ 5 triệu người, tăng thêm 35 thành phần dân tộc so với năm 1975, trong đó dân tộc kinh chiếm khoảng 68%, đồng bào dân tộc tại chỗ chiếm 26%, các dân tộc ít người từ vùng khác di cư tới 6%. Trong khi đó, cơ sở hạ tầng kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, tài nguyên rừng và nước bị xâm hại rất nghiêm trọng. Suốt thời gian khá dài, việc khai thác tiềm năng để phát triển kinh tế xã hội (KT-XH) ở Tây nguyên chưa làm tốt quy hoạch và quản lý theo quy hoạch đất, rừng, nguồn nước cộng với việc huy động các nguồn lực đầu tư cho Tây nguyên chưa tốt, nên kinh tế Tây nguyên phát triển chậm, không phát huy đúng tiềm năng, lợi thế; dẫn đến đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi nhất, chậm phát triển nhất. Trong khi đó, các thế lực thù địch ráo riết thực hiện âm mưu phá hoại đoàn kết dân tộc, xúi dục đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đòi li khai, chống phá công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước.

Trước thực trạng này, ngày 18/01/2002 Bộ Chính trị đã ban

hành Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây nguyên thời kỳ 2001 – 2010. Kể từ đó, Tây nguyên đã tập trung khá tốt các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội của vùng. Tuy nhiên, việc khai thác các nguồn lực mà trước hết là nguồn vốn để phát triển kinh tế Tây nguyên còn bộc lộ nhiều hạn chế, cần phải được đánh giá đúng mức cả về thành công và hạn chế để có giải pháp hữu hiệu cho thời gian tới.

## Những thành quả đạt được

**Thứ nhất:** Với sự đầu tư, hỗ trợ kịp thời từ Trung ương đến địa phương trong việc tạo vốn phát triển và sự phát triển nhanh của một số ngành kinh tế mũi nhọn, kinh tế Tây nguyên duy trì tăng trưởng ở mức cao và dịch chuyển theo hướng tích cực. GDP giai đoạn 2001-2005 tăng bình quân 10,05%/năm, cao hơn định hướng chung tại Quyết định 168/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế Tây nguyên giai đoạn 2001-2005 (9%/năm) và cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP chung của cả nước (7,5%): năm 2006 tăng 13,9% (bình quân chung cả nước là 8%), năm 2007 vẫn duy trì tăng trưởng cao. Nhiều chỉ tiêu KT-XH đạt khá như: thu ngân sách năm 2006 đạt gấp 2,6

lần năm 2001 và tăng 23% so với năm 2005; GDP đầu người năm 2006 đạt 6,64 triệu đồng, gấp 2,5 lần năm 2001 và tăng 23% so với năm 2005.

**Thứ hai:** Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2001-2005 đạt 40.059 tỷ đồng, năm 2006 là 32.357 tỷ đồng và có xu hướng ngày càng tăng nhanh. Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư toàn xã hội từ năm 2002 đến 2006 lần lượt là: 11%; 17%; 22%; 26%; 26% và ước năm 2007 khoảng 28%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cũng chiếm tỷ lệ cao so với GDP của vùng và có xu hướng tăng, từ năm 2002 đến 2006 lần lượt là: 41,86%; 41,14%; 46,87%; 49,05%; 47,52%, cao hơn nhiều so với cả nước từ 35,1%, - 38,7%

**Thứ ba:** Vốn đầu tư của Nhà nước cho cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế đã có những bước tiến bộ đáng kể. Giai đoạn 2001-2006, ngân sách Nhà nước (NSNN) đã đầu tư hàng trăm công trình trọng điểm, đưa năng lực tưới của thủy lợi lên 57% diện tích đất nông nghiệp. Giao thông phát triển khá, nâng cấp 3 sân bay, 13 tuyến quốc lộ, 57 tuyến tỉnh lộ và liên huyện, hàng trăm tuyến đường liên xã. Có 99,2% số xã có đường ô tô đến trung tâm; 98% số xã có điện lưới quốc gia; 79,18 số hộ được dùng điện;

52,5% hộ được dùng nước sạch; 95% số hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam, 80% hộ được xem truyền hình.

**Thứ tư:** Có thể khẳng định, các tổ chức tín dụng (TCTD) mà chủ yếu là các ngân hàng thương mại (NHTM) đi đầu trong việc huy động vốn đầu tư phát triển nông nghiệp – nông thôn Tây nguyên. Giai đoạn 2001-2005, có tới 33,3% vốn đầu tư toàn xã hội của vùng được thực hiện qua hoạt động cho vay của các TCTD; năm 2006 con số này là 30,2%. Nếu không tính vốn NSNN, từ 54%-55% vốn đầu tư toàn xã hội được thực hiện qua các NHTM.

**Thứ năm:** Nguồn vốn đầu tư trực tiếp của dân cư và các doanh nghiệp trong vùng tuy chiếm tỷ trọng chưa cao trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội so với cả nước, nhưng đã góp phần đáng kể vào phát triển KT-XH Tây nguyên trong thời gian qua. Giai đoạn 2001-2006 loại nguồn vốn này chiếm 42,33%; năm 2006 chiếm 41,25%. Sự hiện diện của gần 3.800 các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế không những có ý nghĩa đóng góp về vốn mà còn là những đơn vị kinh tế trực tiếp sử dụng nguồn vốn để phát triển KT-XH Tây nguyên.

**Thứ sáu:** Vốn đầu tư đã khai thác được lợi thế về thổ nhưỡng, khí hậu và diện tích rộng lớn của Tây nguyên. Đó là đầu tư phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày. Bằng nhiều hình thức phát triển, đến nay Tây nguyên đã có 446,6 nghìn ha cà phê, 116,2 nghìn ha cao su, 27.046 ha chè, 13.275 ha hồ tiêu, 95.251 ha điều, tạo cho Tây nguyên nói riêng, cả nước nói chung thế mạnh xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp.

**Thứ bảy:** Đã tập trung khai thác được một nguồn vốn khá lớn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài vùng để phát triển ngành thủy điện. Ngoài Nhà máy thủy điện Yaly có công suất 720 MW được đưa vào sử dụng trước năm 2001, giai đoạn từ 2002 đến nay, một số nhà máy thủy điện lớn, vừa khác như Sê San 3 (272 MW), Sê San 3A (110 MW), Sê

San 4 (360 MW) và hàng chục nhà máy thủy điện vừa và nhỏ khác đã và đang được hòa lưới điện quốc gia, góp phần giải quyết tình trạng thiếu điện của cả nước.

### **Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Tây nguyên có diện tích chiếm 17% diện tích cả nước, dân số chiếm khoảng 6,3% dân số cả nước, nhưng GDP chỉ chiếm 3,6% GDP cả nước. GDP tính trên đầu người chỉ mới bằng hơn một nửa so với mức bình quân của cả nước. Còn rất nhiều vùng nông thôn, dân tộc thiểu số tại chỗ ở trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, tỷ lệ đói nghèo cao, toàn vùng có 23,72% số hộ nghèo, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tỷ lệ hộ nghèo còn rất cao, chiếm từ 40 - 65% tổng hộ nghèo các tỉnh. Tình hình thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm, tranh chấp và mua bán đất diễn ra phức tạp. Việc huy động và sử dụng vốn còn những tồn tại và hạn chế như sau:

*Thu ngân sách địa phương mất cân đối nghiêm trọng so với nhu cầu chi tiêu trên địa bàn*

Việc mất cân đối giữa thu và chi ngân sách địa phương là đặc trưng cơ bản và phản ánh chính xác sự khát vốn cho quá trình phát triển KT-XH Tây nguyên. Hiện tại thu ngân sách trên địa bàn mới đáp ứng 32,9% nhu cầu chi của địa phương. Nguyên nhân cơ bản là thu nhập của doanh nghiệp và cư dân trong vùng thấp. Đa phần các doanh nghiệp đều mới thành lập, đang được hưởng các ưu đãi về thuế. Bên cạnh đó, có một bộ phận đáng kể là do chưa khai thác được các nguồn thu thuế, gây tổn thất cho NSNN.

*Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh về kinh tế*

Tổng kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển KT-XH vùng Tây nguyên đến năm 2010, báo cáo số 37/BC-UBDT ngày 04/7/2007 của Ủy ban Dân tộc xác định: “*Kết cấu hạ tầng KT-XH chưa đồng bộ; khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn quá nhỏ; hệ thống thủy lợi chưa*

*đáp ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp; giao thông, điện...vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn”.*

Nguyên nhân sâu xa của những yếu kém này là thiếu vốn và những khó khăn đặc thù của Tây nguyên. Địa hình Tây nguyên dốc, phức tạp, cường độ mưa về mùa mưa ở Tây nguyên lại rất lớn, nên đường sá, cầu cống thường bị nước lũ cuốn trôi; Hệ thống đường giao thông nông thôn, nơi cung cấp các sản phẩm hàng hóa nông – lâm nghiệp đang chủ yếu là đường đất, đường cấp phối, rất khó khăn cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại về mùa mưa. Về thủy lợi, tổng công suất thiết kế của các công trình thủy lợi chỉ mới đáp ứng được 57% diện tích sản xuất nông nghiệp cần được tưới tiêu. Diện tích tưới tự động của các công trình đạt thấp, mới chủ động đạt dưới 51% so với diện tích thiết kế ban đầu, chủ yếu do các nguyên nhân như: Các công trình xây dựng đầu tư thiếu đồng bộ, nhiều công trình có đầu mối hoàn chỉnh nhưng phần kênh mương còn dở dang; việc xác định khu tưới, diện tích tưới chưa kỹ dẫn đến tính toán quy mô công trình thiếu chính xác. Mặt khác, do đặc thù của địa hình đồng ruộng phân tán, việc khai hoang, xây dựng đồng ruộng còn chậm,



không đồng bộ với công trình xây dựng; trình độ quản lý và khai thác công trình còn hạn chế, chưa chú trọng đến công tác duy tu, sửa chữa công trình theo định kỳ, dẫn đến công trình xuống cấp theo thời gian...

*Cơ cấu đầu tư ngành nghề chưa phù hợp*

Mặc dù cơ cấu các ngành kinh tế đã chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng ngành thương mại – dịch vụ và ngành công nghiệp – xây dựng, giảm ngành nông – lâm nghiệp, nhưng sự chuyển dịch vẫn chậm. Cơ cấu của từng ngành còn bất hợp lý chưa tương xứng với tiềm năng. Bên cạnh nguyên nhân khách quan là do thiếu vốn, còn có nguyên nhân chủ quan là vốn đầu tư thiếu cân đối, hài hòa giữa các ngành và tiểu ngành kinh tế.

Trong nông nghiệp, ngành chăn nuôi phát triển chậm, chưa có nhiều cơ sở, trang trại chăn nuôi sản xuất hàng hóa lớn, việc tạo giống, nhân giống mới cho năng suất cao còn hạn chế, công tác thú y còn yếu, bị động trong việc phòng chống các dịch bệnh gia súc, gia cầm. Cơ cấu cây trồng chưa hợp lý, vẫn còn một diện tích lớn các loại cây trồng có giá trị kinh tế thấp như lúa rẫy, sắn, ngô giống cũ... Việc ứng dụng

các thành tựu về công nghệ sinh học để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả vẫn còn rất hạn chế, tỷ trọng giữa chăn nuôi và trồng trọt còn mất cân đối lớn. Trong ngành lâm nghiệp, vốn cho công tác trồng mới, chăm sóc, tu bổ, bảo vệ rừng chưa nhiều, lũng túng trong giao đất, giao rừng, nạn lâm tặc vẫn là mối đe dọa thường trực đến tài nguyên, lâm sản quốc gia. Ngành công nghiệp chế biến các mặt hàng nông sản thực phẩm chưa đáp ứng được tính mùa vụ của sản xuất, sản phẩm nông nghiệp thu hoạch không được bảo quản, chế biến kịp thời, dẫn đến hư hỏng, phẩm cấp thấp. Ngành công nghiệp – xây dựng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh các cơ sở hạ tầng, các khu công nghiệp, khu thương mại... Tiềm năng ngành điện lớn, nhưng các nhà máy mới đưa vào vận hành chưa nhiều. Ngành thương mại và du lịch phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, đầu tư cho du lịch - dịch vụ tuy có tăng, song còn nặng cho khách sạn, nhà nghỉ, hạn chế trong đầu tư nâng cấp xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, các sản phẩm du lịch còn đơn điệu.

*Vốn đầu tư phát triển nông nghiệp - nông thôn vùng đồng bào các dân tộc ít người vừa thiếu, vừa lũng túng trong tổ chức thực hiện và quản lý*

Nhận định vấn đề này, Báo cáo số 37/BC-UBDT ngày 04/7/2007 của Ủy ban Dân tộc viết: “Nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chưa thoát ra khỏi tình trạng nghèo còn rất lớn. Nguồn vốn đầu tư cho phát triển KT-XH, nhất là vùng dân tộc thiểu số chưa đủ sức tạo sự đột phá làm chuyển biến rõ nét trong sản xuất và đời sống. Hàng trăm buôn làng vùng sâu thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu, chưa tiếp cận với các dịch vụ về thị trường, khuyến nông khuyến lâm. Công tác quy hoạch, sắp xếp các khu dân cư và giải quyết tình trạng các hộ dân du canh du cư và di dân tự do từ nơi khác tới bộc lộ rất nhiều yếu kém, đang là những vấn đề bức xúc hiện nay. Giải quyết đất đai, nhà ở, nước sinh hoạt, tổ chức sản

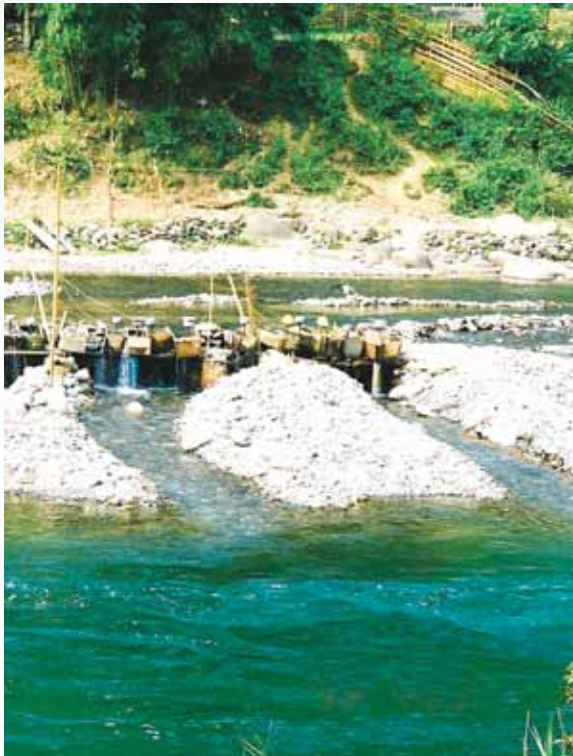
xuất đồng bào vẫn còn khó khăn, lũng túng nên không đạt với kế hoạch. Cơ chế, chính sách phát triển nghề, tạo việc làm, giao đất giao rừng, thu hút đồng bào vào nông, lâm trường chậm được triển khai tổ chức thực hiện...”.

*Vốn chỉ mới tập trung cho phát triển sản xuất, chưa đầu tư đúng mức nâng cao chất lượng sản phẩm*

Cũng giống đặc thù chung của cả nước, các sản phẩm nông nghiệp ở Tây nguyên có phẩm cấp thấp, giá bán trên thị trường thế giới thường thấp hơn nhiều so với giá bán sản phẩm cùng loại của các nước khác. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì cả phê nhân Việt Nam có chất lượng kém, thường dưới loại 3, 4. Năm 2004 cả phê kém chất lượng phải loại bỏ của Việt Nam chiếm 78% của cả thế giới, năm 2005 là 89%. Các mặt hàng nông sản khác của Tây nguyên cũng tương tự. Các sản phẩm nông nghiệp đang đứng trước nguy cơ mất dần thị trường xuất khẩu. Trên giác độ quản lý vốn đầu tư, việc chưa đầu tư đúng mức công nghệ hiện đại để thu hoạch, bảo vệ và chế biến sản phẩm là nguyên nhân cơ bản dẫn đến phẩm cấp cả phê của Việt Nam thấp. Việc sử dụng công nghệ xay, sấy cả phê tươi thành sản phẩm nhân khô có phẩm cấp cao chỉ mới chiếm một tỷ lệ nhỏ.

*Vốn nội lực yếu, chỉ đáp ứng được một phần so với yêu cầu phát triển*

Với nguồn thu ngân sách hạn chế, chỉ mới đáp ứng được 32,9% nhu cầu chi tiêu của địa phương, nên phần vốn tiết kiệm của ngân sách địa phương để đầu tư cho phát triển KT-XH chỉ chiếm từ 17%-18% tổng vốn đầu tư của toàn xã hội. Bên cạnh đó, do thu nhập của dân cư và các doanh nghiệp trong vùng còn thấp, nên nguồn vốn đầu tư trực tiếp của dân cư và các doanh nghiệp trong vùng chiếm tỷ trọng. Hơn 42% vốn đầu tư toàn xã hội vùng Tây nguyên thời gian qua có được là từ ngân sách của Chính phủ và từ các nguồn lực bên ngoài. Điều này cũng có nghĩa là phương châm “nội lực là chính” chưa thực hiện



được ở Tây nguyên trong thời gian qua.

### **Giải pháp khắc phục**

#### **1. Tăng cường thu hút vốn đầu tư từ NSNN**

Vốn ngân sách có vai trò động lực để thu hút các nguồn vốn khác đầu tư phát triển KT-XH. Một khu vực hay một quốc gia không thể phát triển nếu không có sự đầu tư của Nhà nước. Điều đó càng có ý nghĩa đối với Tây nguyên - một khu vực có mặt bằng kinh tế và kết cấu hạ tầng thấp so với các khu vực khác trong cả nước. Vốn ngân sách phải tập trung cho các lĩnh vực mà hiện tại chưa thể khai thác có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư khác, chẳng hạn như giáo dục, y tế, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn vv... để làm tiền đề cho các ngành nghề kinh tế phát triển. Muốn vậy, phải kết hợp tốt giữa ngân sách địa phương và ngân sách Trung ương trong đầu tư phát triển. Đối với ngân sách địa phương, phải tạo ra nguồn thu lớn và ổn định. Đối với ngân sách Trung ương, từ diễn biến phức tạp về KT-XH Tây nguyên những năm qua, Nhà nước đã xác định cần phải đầu tư để phát triển nông nghiệp - nông thôn Tây nguyên, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc ít người để thu hẹp khoảng cách về thu nhập, về cơ sở hạ tầng của khu vực này. Vấn đề đặt ra là phải có danh mục, dự án và tổ chức thực hiện tốt vốn đầu tư của NSNN. Hay nói cách khác là phải làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch để thu hút vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương. Để làm tốt các vấn đề này cần tập trung giải quyết tốt ba vấn đề cơ bản:

*Một là*, rà soát và hoàn thiện quy hoạch. Rà soát và hoàn thiện quy hoạch của từng xã, huyện, tỉnh và tổng thể toàn khu vực Tây nguyên về đất sản xuất, về rừng, về các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm, về đô thị, về thực trạng phát triển của các ngành kinh tế hiện nay vv... Để tiếp tục có những chủ trương, chính sách đồng bộ về giải quyết đất đai, phát triển nghề rừng gắn với phát triển ngành nghề ở từng vùng, từng địa bàn nhằm tạo việc làm cho lao động vùng Tây nguyên để

bảo đảm ổn định cả trước mắt và lâu dài. Công tác lập quy hoạch phát triển ngành nghề phải căn cứ vào kết quả phân tích, dự báo xu hướng của thị trường của các tổ chức chuyên ngành, các nhà khoa học, định hướng của Nhà nước. Từ định hướng chung phải làm tốt khâu điều tra, khảo sát một cách khoa học từ cơ sở để lập kế hoạch phát triển cho từng vùng, từng giai đoạn. Tránh việc lập quy hoạch, kế hoạch chỉ căn cứ vào định hướng chung rồi triển khai một cách chủ quan, dẫn đến hậu quả đã nêu ở phần tồn tại hạn chế trên đây; đặc biệt là quy hoạch phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi đại gia súc, các ngành công nghiệp nặng như khai khoáng, công nghiệp điện và công nghiệp chế biến.

*Hai là*, nuôi dưỡng và khai thác có hiệu quả nguồn thu ngân sách địa. Tạo môi trường và các điều kiện thuận lợi để tất cả các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế mở rộng sản xuất kinh doanh một cách bình đẳng trong vùng, để qua đó tạo nguồn thu thuế cho ngân sách ổn định theo hướng tăng trưởng bền vững. Xác định đây là nguồn thu chính, cơ bản và lâu dài của ngân sách địa phương. Có giải pháp đồng bộ và kiên quyết để chống các hành vi sách nhiễu, tham ô, cửa quyền của một số cán bộ công quyền lợi dụng quyền lực, nhiệm vụ để thu lợi cá nhân làm suy giảm khả năng sản xuất - kinh doanh của các chủ thể kinh tế. Nạn tham nhũng trong bộ máy công quyền của Nhà nước đã là thất thoát đáng kể các nguồn thu của NSNN trong lĩnh vực về quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý tài chính trong các doanh nghiệp Nhà nước, thu, chi NSNN, quản lý tài sản công. Vì vậy, cần phải tăng cường bộ máy và chất lượng hoạt động thanh kiểm tra của Nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động.

*Ba là*, tổ chức quản lý, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên về nước, thủy điện, đất đai, lâm khoáng sản.

#### **2. Khai thác có hiệu quả**

*nguồn vốn tín dụng ưu đãi, nguồn vốn ủy thác đầu tư*

Đối với nguồn vốn tín dụng ưu đãi: chủ yếu từ nguồn vốn tín dụng phát triển hàng năm của Nhà nước và nguồn ODA của nước ngoài đầu tư thông qua các sở ngành địa phương, qua Cục Đầu tư (nay là Ngân hàng Phát triển), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (NHĐT&PT) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (NHNo&PTNT) các tỉnh Tây nguyên. Nhiều dự án tín dụng ưu đãi như các dự án thủy điện, các dự án ngành cao su đã phát huy hiệu quả tốt, góp phần tạo ra nguồn thu lớn và ổn định cho ngân sách. Bên cạnh đó, một số dự án như dự án phát triển các nông trường cà phê quốc doanh, dự án dâu tằm, dự án 135 vv... được đánh giá là kém hiệu quả hoặc chưa đạt được mục tiêu mong muốn. Cần phải sơ kết, tổng kết để đúc rút kinh nghiệm cho việc tiếp tục thực hiện các dự án và triển khai các dự án tiếp theo.

Đối với nguồn vốn ủy thác đầu tư: thời gian qua chủ yếu do các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ADB, các quỹ tài chính quốc tế vv... đầu tư thông qua các dự án phát triển. Phần lớn nguồn vốn này được ủy thác cho các NHTM cho vay, trong đó đáng kể nhất là NHNo&PTNT Việt Nam. Công tác quản lý nguồn vốn ủy thác đầu tư được các tổ chức quốc tế kiểm tra giám sát một cách chặt chẽ. Kết quả đầu tư là cơ sở để các tổ chức này mở rộng hay thu hẹp quy mô tài trợ và xem xét tài trợ các dự án mới. Vì vậy, việc chấp hành tốt các quy định về quản lý vốn dự án ủy thác đầu tư có ý nghĩa quan trọng trong việc khơi tăng nguồn vốn này của các tổ chức tài chính quốc tế.

#### **3. Tăng cường đầu tư vốn từ các NHTM**

Đây là nguồn vốn đặc biệt quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế Tây nguyên trong những năm qua. Các NHTM cần tiếp tục làm tốt công tác huy động nguồn vốn tiết kiệm từ dân cư, vốn tiền gửi của các doanh nghiệp, các tổ chức để đầu tư phát

triển kinh tế. Tạo điều kiện thuận lợi cho các NHTM cổ phần, các ngân hàng liên doanh, các ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh ở Tây nguyên để tăng cường nguồn vốn từ các ngân hàng này đầu tư phát triển nền kinh tế. Để đảm bảo có đủ vốn đầu tư cho nền kinh tế, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của các NHTM khu vực Tây nguyên là phải làm tốt công tác huy động vốn trên địa bàn. Các NHTM phải xây dựng chiến lược huy động vốn. Tùy mô hình tổ chức và mạng lưới, từng ngân hàng có chiến lược riêng của mình đối với từng nhóm khách hàng. Mỗi nhóm khách hàng đều có mục tiêu, động lực riêng khi gửi tiền vào ngân hàng. Các NHTM phải nắm được mục tiêu của từng nhóm, từ đó có giải pháp huy động vốn có hiệu quả.

**4. Đẩy nhanh cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và thành lập các công ty cổ phần**

Đối với Tây nguyên, cần làm tốt công tác cổ phần hóa các **doanh nghiệp Nhà nước**, nhất là các doanh nghiệp trong các ngành kinh tế lớn như ngành cao su, thủy điện, cà phê, lâm nghiệp... khuyến khích thành lập mới các công ty cổ phần và tạo điều kiện thuận lợi để thị trường chứng khoán phát triển ổn định. Qua đó, thu hút có hiệu quả vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư vốn phát triển kinh tế Tây nguyên. Do tính hấp dẫn về lợi nhuận trong ngành sản xuất thủy điện, trong vòng vài năm trở lại đây, hàng chục công ty cổ phần đã được thành lập, thu hút được hàng ngàn tỷ đồng cho phát triển ngành thủy điện ở Tây nguyên. Đây là cơ hội tốt để khai thác nguồn vốn từ các khu vực khác cho phát triển ngành thủy điện ở Tây Nguyên.

**5. Làm tốt công tác kêu gọi vốn đầu tư**

Hiện nay, nhiều địa phương có điều kiện đặc biệt thuận lợi như tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Hải Dương, Hà Tây, Hải Phòng vv... đang có chính sách trải thảm để thu

hút vốn đầu tư nước ngoài, qua đó tiếp cận các công nghệ sản xuất hiện đại của thế giới. Tây nguyên là khu vực kém thuận lợi so với nhiều khu vực khác trong cả nước về thu hút vốn đầu tư của nước ngoài. Vì vậy, cần phải có chính sách ưu đãi đặc biệt thì mới tạo được sự thu hút, để ý của các nhà đầu tư đối với khu vực này. Đồng thời, từng tỉnh, từng khu công nghiệp của Tây nguyên phải xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chiến dịch quảng bá hình ảnh của Tây nguyên, đặc biệt là tiềm năng về tài nguyên ra bên ngoài. Trước mắt là kêu gọi vốn đầu tư của các doanh nghiệp từ các trung tâm kinh tế và các địa

phương khác trong cả nước. Muốn vậy, phải cải cách thủ tục hành chính khi cấp giấy phép đầu tư, xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nói chung, của các khu công nghiệp nói riêng; có chính sách ưu đãi về thuế, về khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, về hỗ trợ đào tạo lao động ...

**6. Một số vấn đề khác:**

Gắn công tác quy hoạch với bảo vệ môi trường sinh thái.

Phát triển nguồn nhân lực.

Mở rộng thị trường xuất khẩu ra nước ngoài.

Làm tốt công tác dự báo thị trường.

Ổn định chính trị - xã hội và tăng cường an ninh quốc phòng ■



**NGÂN HÀNG LD LÀO - VIỆT (LAO - VIET BANK)**  
**CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**  
 (Liên doanh giữa Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam  
 và Ngân hàng Ngoại thương Lào)



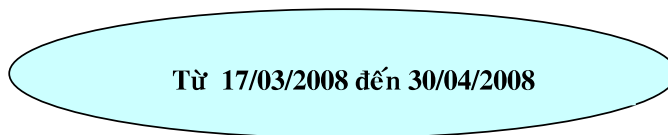
**NHÂN DỊP KỶ NIỆM 5 NĂM NGÀY THÀNH  
 LẬP CHI NHÁNH**

**LÃI SUẤT HUY ĐỘNG KỶ HẠN**

**1-13 THÁNG: 12%/NĂM**



**Cứ mỗi 50 triệu đồng tiền gửi khách hàng sẽ được  
 tặng một phiếu mua hàng trị giá 50.000 đồng tại siêu  
 thị Coop.mart**



Địa chỉ: 49 Phạm Viết Chánh, Quận 1, TP.HCM.  
 ĐT: 9254082 – 9254104, Fax: 9254105